

Trang lịch sử

Mạc Đĩnh Chi

1280 - 1346

TK sưu khảo

1- "Tuồng mạo xấu, nhưng trí tuệ "đẹp"

Mạc Đĩnh Chi người làng Lan Khê, huyện Nam Thanh, tỉnh Hải Hưng ngày nay, sau dời sang làng Lũy Động, huyện Chí Linh. Thuở nhỏ, ông rất lanh lợi, thông minh, nhưng tuồng mạo xấu xí. Thân hình ông lùn, da đen, mồm rộng, răng hô, mũi tẹt, trán dô ...(*)

Bấy giờ, thời nhà Trần có Chiêu quốc vương Trần Ích Tắc, là người hay chữ, mở trường học, Mạc Đĩnh Chi xin vào học. Lúc đó cậu mới 4 - 5 tuổi, nhưng đã tỏ ra hết sức thông tuệ, được mệnh danh là thần đồng.

Đến năm 1304, đời vua Trần Anh Tông, niên hiệu Hưng Long thứ 12, triều đình mở khoa thi, lấy 44 người đậu Thái học sinh (tiến sĩ). Mạc Đĩnh Chi đậu thủ khoa, chiếm học vị trạng nguyên, lúc này ông mới hơn 20 tuổi. Nhưng khi ra mắt, vua Anh Tông thấy mặt mũi, thân hình ông xấu xí, không muốn cho đậu trạng. Ông liền làm bài phú "Ngọc tỉnh liên" (Hoa sen trong giếng ngọc), để nói lên phẩm giá thanh cao của mình, dâng lên vua. Anh Tông xem bài phú, thấy rõ tài hoa, tư cách của ông, cảm phục, nên đã cho ông đậu trạng nguyên. Sau đó, để tỏ lòng ưu ái người tài, nhà vua cho dẫn ông và hai người khác đậu tam khôi là bảng nhãn Bùi Mộ và thám hoa Trương Phóng ra phía cửa Long Môn Phụng Thành dạo chơi trên đường phố ba ngày liền.

Ông được cử giữ việc coi sóc thư khố của nhà vua, rồi chức Tả Bộc xạ (Thượng Thư) ...

Đặc biệt trong hai lần đi sứ sang Tàu, ông đã dùng tài năng và phẩm chất cao đẹp của mình để làm rạng rỡ đất nước và khiến người nước ngoài phải khâm phục.

2- Mở cửa ải bằng một vế đối

Năm 1308, Mạc Đĩnh Chi được cử đi sứ sang Tàu, mừng vua Nguyên lên ngôi để giữ mối hoà hiếu trong quan hệ bang giao giữa hai nước. Theo lịch thì đoàn đại sứ nước ta sẽ đến cửa ải vào ngày giờ định trước. Không may hôm lên đường gặp trục trặc, nên đến sai hẹn. Khi đoàn sứ bộ nước ta tới nơi thì trời tối, cửa ải đã đóng. Quân Nguyên canh gác bắt phải chờ đến sáng hôm sau. Thấy sứ bộ ta cứ biện bạch mãi, viên quan phụ trách canh ải mới thả tù trên lầu cao xuống một câu đối, thách sứ bộ ta nếu đối được thì họ sẽ mở cửa ải.

Câu đối như sau : "**Quá quan trì, quan quan bế, nguyện quá khách quá quan**" (Tối cửa ải trể, cửa quan đóng, mời khách qua đường cú qua)

Một vế đối hóc búa có đến 4 chữ quan và 3 chữ quá ! Mạc Đĩnh Chi thấy khó, nhưng ông đã nhanh trí dùng mẹo để đối như sau : "**Xuất đối dị, đối đối nan, thỉnh tiên sinh tiên đối**" (Ra câu đối dễ, đối câu đối khó, xin mời ông đối trước).

Tưởng lâm vào thế bí, thế mà lại hóa ra tìm được vế đối hay, gồm 4 chữ đối và 2 chữ tiên, khiến người Nguyên phải phục tài sứ giả nước Nam, liền mở cửa ải để đoàn sứ giả nước ta qua biên giới.

3- Cuộc đấu trí ở nước ngoài

Sau khi đánh tan quân nhà Tống, chiếm Trung nguyên, và đánh bại nhiều quốc gia từ Á sang Âu, vua Nguyên Hốt Tất Liệt đã cho các đạo quân hùng hậu và thiện chiến kéo sang xâm lược nước ta 3 lần. Nhưng cả 3 lần họ đều đại bại, đến nỗi viên tổng tư lệnh đạo quân khét tiếng này là thái tử Thoát Hoan đã phải chui vào ống đồng, sai quân khiêng trốn chạy mới thoát chết ! Tuy thất bại, nhưng tư tưởng nước lớn, coi

thường nước nhỏ ngày càng ăn sâu, bén rễ trong đầu óc vua quan triều Nguyên. Vì vậy, có lần Mạc Đĩnh Chi làm đại sứ, cuồi lừa rong chơi trên đường phố Bắc Kinh, vô ý đụng nhằm ngựa một viên quan Mông Cổ. Viên quan này vênh mặt hỏi bằng một câu đối :

"Xúc ngã kỵ mã, Đông di chi nhân dã, Tây di chi nhân dã ?" (Đụng vào ngựa ta cuồi, ấy là rợ phương Đông hay rợ phương Tây ?). Viên quan mông cổ dùng chữ trong sách Mạnh Tử, có ý khinh rẻ, cho người nước ta là mọt rợ.

Mạc Đĩnh Chi thấy viên quan tàu giở giọng kẻ cả, bực lắm, bèn đọc luôn : **"Át dư thừa lữ, Nam phương chi cường, Bắc phương chi cường dư ?"** (Húc vào đầu lừa, hỏi phương Nam mạnh, hay phương Bắc mạnh ?)

Trong vế đối, trạng nước ta cũng dùng chữ trong sách Trung Dung và ngụ ý để viên quan mông cổ kiêu ngạo thấy : "Chưa biết mèo nào cắn mỉu nào !"

Lần khác, người Nguyên thấy đoàn sứ giả nước ta chuyện trò với nhau, tiếng cứ riu ra riu rít như chim. Họ bèn ra câu đối để chọc :

"Quyết thiệt chi đầu đàm Lỗ Luận : Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri" (Chim chích choè đầu cành bàn sách Luận ngữ : Biết thì bảo là biết, không biết thì bảo là không biết, thế mới là biết).

Đây là một vế đối khó. Người mông cổ đã chọn những từ vi, tri, chi, ... giống tiếng chim kêu để giễu người Việt khi phát âm;

Mạc Đĩnh Chi đã đối :

"Oa lâm trì thượng lạc Châu thư : lạc dữ độc lạc nhạc, lạc dữ chúng lạc nhạc, thực lạc ?" (Con châu chuộc ngồi dưới ao đọc sách nhà Chu: nghe nhạc vui cùng ít người, nghe nhạc vui cùng nhiều người, đàng nào vui hơn ?)

Vế đối của trạng nước ta dùng từ lạc, lạc nhạc, ... giống tiếng châu chuộc kêu để chọi lại, chế người mông cổ nói ồm ộp như châu chuộc!
(1)

Lần khác Mạc Đĩnh Chi ngồi uống nước với người mông cổ ở cạnh chùa. Họ bèn ra câu đối để thử tài sứ Việt Nam. Câu đối bằng chữ Hán, dịch ra như sau :

"Cây ki vốn là một loài gỗ. Cái chén không phải là loài gỗ. Tại sao lấy cây ki làm chén ?"

Trạng nhìn ngôi chùa, tức cảnh đối ngay :

"Tăng là người. Phật không phải là người. Sao lấy Tăng thờ Phật ?"

Vế đối quả là chan chát và lập luận chặt chẽ, chính xác !

Lại có lần Mạc Đĩnh Chi đi chơi cùng phái bộ triều Nguyên. Tới gần một chiếc cầu, do vô ý ông bị té xuống hố. Người Nguyên chạy đến đỡ ông. Để đùa, họ đã đọc câu đối :

"Can mộc, hoành cử, lục giả tướng như tự đạo" (Gỗ thẳng, cầu ngang, đường đi ngõ là đất phẳng)

Câu đối rất khó, vì dùng toàn tên của một số nhân vật bên Tàu ghép lại (Đoàn Can Mộc, Hoành Cù, Lục Giả, Tương Như và Tự Đạo)

Mạc Đĩnh Chi thấy bên kia sông có ngôi đình dưới chân núi, nảy ý đối rằng :

"Đại đình, an thạch, vọng chi nghiêm nhược thái sơn" (Đình to, đá vững, nhắc nom như thể Thái sơn)

Vế đối của ông rất tài tình, vì cũng dùng toàn tên người ghép lại (Đại Đình là biệt hiệu của Thần Nông, Vương An Thạch, Vọng Chi, Nghiêm Nhược và Thái Sơn)

Có được tài năng ứng đối như thế là nhờ tư duy Mạc Đĩnh Chi hết sức linh hoạt. Chuyện kể, một lần viên Tể Tướng Nguyên mời ông đến nhà chơi. Nhìn thấy nơi cửa sổ có bức trướng thêu một con chim sẻ đậu trên cành trúc, giống chim thật như đúc, Mạc Đĩnh Chi tưởng thật bèn tiến lại giơ tay ra bắt, khiến các quan khách có mặt trong phòng cười ò, chê ông là ngớ ngẩn,

đọc trong vế đối của Mạc Đĩnh Chi đều phát âm theo giọng Bắc kinh, nên âm của các chữ "vi, tri, chi" mới giống tiếng chim chích choè, và âm của các chữ "lạc, lạc nhạc, thực lạc" nghe giống tiếng châu chuộc.

(1) Âm đọc trong câu đối của người Mông Cổ và âm

quê kệch. Biết mình nhảm, nhưng lanh trí, ông đã kéo ngay bức trướng xuống xé toạc. Tất cả quan khách đều kinh ngạc nhìn ông. Bấy giờ ông mới hướng vào vị tể tướng Nguyễn nói :

- Cổ nhân vẫn cho trúc là bản sắc người quân tử, còn chim sẻ là hình dáng kẻ tiểu nhân. Thế mà không hiểu sao quan Tể tướng lại cho treo trong nhà bức tranh vẽ tiểu nhân đè đầu người quân tử. Tôi e rằng, ở quý quốc, đạo của tiểu nhân át mất đạo quân tử, nên tôi vì Thánh đế mà xé bức tranh này.

Câu giải thích của trạng Việt Nam làm cho viên tể tướng Nguyễn và tất cả các quan khách có mặt đều thấy chí lý và phục trạng có tài hùng biện, hiểu biết uyên bác hơn người.

4- Trạng Nguyễn hai nước

Mạc Đĩnh Chi tuy là trạng nguyên nước ta, nhưng khi đi sứ sang Tàu, vua Nguyễn phục ông đối đáp thông tuệ, học vấn uyên thâm, đã phong ông làm trạng nguyên Trung quốc.

Có lần muốn thử tài năng và khí tiết của vị Chánh sứ nước ta, vua Nguyễn ra một vế đối bằng chữ Hán, dịch ra như sau :

"Mặt trời là lửa, mây là khói, ban ngày đốt cháy cung trăng".

Nghe xong, ông biết vua Nguyễn tỏ vẻ kiêu ngạo, xem mình là mặt trời và xem nước ta như mặt trăng, nên đã đối lại :

"Trăng là cung, sao là đạn, tối đến bắn rơi mặt trời"

Thoạt đầu, vua Nguyễn nổi giận, nhưng qua vế đối biết tài năng, khí tiết của sứ thần nước ta không phải là vừa, nên đem lòng nể trọng, chuyển giận làm vui và sai lấy vàng, lụa, rượu ngon thưởng cho trạng Việt Nam.

Có lần Mạc Đĩnh Chi sang sứ đúng vào dịp người hậu phi của vua Nguyễn mất. Lúc làm lễ tế, người Nguyễn đưa cho Chánh sứ nước ta bài diếu văn viết sẵn, bảo đọc. Khi ông mở giấy ra thì chỉ thấy viết có 4 chữ "Nhất" (là "một"). Ông chẳng hề lúng túng, vừa nghĩ vừa đọc thành bài diếu văn rất hay, đầy cảm động như sau :

*" Thanh thiên nhất đoá vân,
Hồng lô nhất điểm tuyết,
Ngọc uyển nhất chi hoa,
Dao trì nhất phiến nguyệt,
Y!
Vân tán, tuyết tiêu, hoa tàn, nguyệt khuyết !"*

Nghĩa là :

"Một đám mây giữa trời xanh,
Một bông tuyết trong lò lửa,
Một bông hoa giữa vườn thượng uyển,
Một vầng trăng trên mặt nước hồ,
Ôi ! mây tản, tuyết tan, hoa tàn, trăng khuyết!"

Vậy là chỉ có 4 chữ "nhất" mà trạng nước ta đã đọc được một bài văn diếu tuyệt hay, khiến cho cả triều thần phương Bắc phải bái phục.

Lại một lần khác, Mạc Đĩnh Chi cùng với sứ thần một số nước khác ra mắt vua Nguyễn. Nhân có nước nào đó dâng chiếc quạt, vua Nguyễn bắt sứ thần nước ta và Triều Tiên (Đại hàn) làm thơ. Giữa lúc Mạc Đĩnh Chi còn tìm ý thơ, thì thấy sứ Triều Tiên đã viết liếng thoảng. Ông nhìn theo cán bút đọc thấy sứ Triều Tiên viết hai câu chữ Hán, dịch nghĩa như sau :

"Nóng nực oi ả, thì như Y Doãn, Chu Công
(là những người được vua trọng dụng)

Rét buốt lạnh lùng, thì như Bá Di, Thúc Tề "
(là những người bị vua ruồng bỏ).

Với sự nhanh trí kỳ lạ, Mạc Đĩnh Chi liền phát triển hai câu thơ trên thành một bài xuất sắc, mô tả chiếc quạt :

"Chảy vàng, tan đá, trời đất là lò lửa, thì lúc ấy người (chỉ chiếc quạt) như Y Doãn, Chu Công là những bậc cự nho (người tài giỏi),

Gió bắc lạnh lùng, mưa tuyết đầy đường, lúc ấy người như Bá Di, Thúc Tề là những ông già chết đói.

Ôi ! Dùng thì thành đạt, bỏ thì xếp xó. Chi có ta và người là như thế chẳng ?"

Bài của ông làm xong trước, ý sắc sảo, văn lại hay, nên vua Nguyễn xem xong cứ gật gù khen mãi. Dân ta ngưỡng mộ, tôn xưng ông là : "Luồng quốc trạng nguyên" (Trạng nguyên hai nước).

5- Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài

Mạc Đĩnh Chi suốt đời sống rất liêm khiết, thanh bạch, nên tuy làm quan nhưng nhà vẫn nghèo. Vua Trần Minh Tông biết rõ sự tình, đã sai người đang đêm đem 10 quan tiền bỏ trước cửa nhà ông, ngầm cho ông. Sáng hôm sau, khi thức dậy, ông cầm số tiền đó vào triều tâu vua. Vua cười bảo : "Không ai đến nhận, cho khanh cầm lấy mà tiêu". Vua khen ông trong sạch và tặng hai chữ "Lịch sự".

Có lần ông gợi ý cho vua Trần Minh Tông thử giới luật nhà Phật với Thiền sư Huyền Quang. Nguyên ngài Huyền Quang có tên tại gia là Lý Đạo Tái, người làng Vạn tải, thuộc tỉnh Hà Bắc. Ngài đậu trạng nguyên khoa Nhâm Tý (1252), niên hiệu Nguyên Phong, đời vua Trần Thái Tông. Nhà vua thấy ngài là người tài đức, muốn gả công chúa Liễu Sinh cho, nhưng ngài không ưng, tìm mọi cách từ chối. Sau đó, vì mang tộc họ Lý, tuy được lòng nhân ái của vua Thái Tông không tỵ hiềm mà phong cho quan cao chức trọng, nhưng ngài vẫn không tránh được sự hiềm khích của các quan trong triều. Chán ngán cảnh đời đen trắng, chức tước, danh vọng, tài sắc chỉ là phù vân, ngài liền bỏ quan, xin vào núi Yên Tử xuất gia tu hành theo đạo Từ Bi, mong tìm cách cứu vớt chúng sinh. Từ đó Lý Đạo Tái, người họ Lý, không còn nữa mà ngài trở thành chú sa di Huyền Quang. Năm tháng trôi qua, tinh tấn tu hành không ngừng, đến đời vua Minh Tông, ngài trở thành vị thiền sư đạo pháp cao siêu, thoát khỏi lòng dục, nhưng vẫn chưa thoát khỏi lòng nghi kỵ của vua quan nhà Trần. Có lần vua Minh Tông đã hỏi thị thần và chú Tăng (gốc họ Trần) rằng :

- Người ta sống ở trong trời đất đều thích ăn vị ngon, thích mặc màu đẹp, đều có tình dục cả ... tại sao mình lão tăng Huyền Quang từ trước tới nay chỉ sắc sắc không không, như nước chẳng gợn sóng, như gương chẳng mờ bụi. Đó là ngăn hãm lòng dục hay không có lòng dục vậy ?

Bấy giờ Mạc Đĩnh Chi đứng lên mới tâu rằng:

- Vẽ hổ chỉ vẽ được da, khó vẽ được xương. Biết người thì biết mặt chứ không biết được

lòng. Xin cứ phải thử xem thì mới rõ.

Nhà vua cho lời ông nói là phải, bèn ngầm chọn một người cung nữ rất đẹp tên là Nguyễn Thị Điểm Bích và giao cho nàng nhiệm vụ tìm đến chùa Hoa Yên, núi Yên Tử - là nơi ngài Huyền Quang tu hành - để thử lòng sư. Điểm Bích đã dùng đủ thuật quyến rũ, nhưng vẫn không sao khêu gợi được lòng dục của thầy Huyền Quang. Việc làm trâng tráo của nàng đã bị một bà già đến lấy thuốc nấp sau chùa chứng kiến.

Vì bị sư Huyền Quang chối từ, lại lo sợ không thực hiện được mệnh vua, nên Điểm Bích quyết định ra sau núi quyên sinh. Thầy Huyền Quang biết, bèn lấy lời lẽ khuyên can và hỏi rõ ngọn nguồn. Bấy giờ, Điểm Bích mới thổ lộ rằng nàng được nhà vua giao tìm cách lấy được 3 nén vàng của sư ông đưa về. Thầy Huyền Quang nghe xong ái ngại, đã lấy 3 nén vàng giao cho Điểm Bích (vì trước đó nhà vua có cho sư ông 10 nén vàng, in dấu quốc khố). Khi thấy Điểm Bích đưa vàng về trình, kèm theo những lời thêu dệt sư ông ong bướm, nhà vua đã nổi giận, cho thiền sư Huyền Quang là sư hổ mang, định trị tội. May sao có bà lão lấy thuốc làm chúng, vạch điều vu khống của Điểm Bích, nên vua mới hiểu sư Huyền Quang quả lòng trong sạch, không vết dục tình, hướng tâm tìm đạo giải thoát.

Con người giữ được cái tâm mới thật đáng quý. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi đã biểu lộ cái tâm trong sáng của ông từ thuở nhỏ hàn vi, khi ông làm bài phú "Hoa sen trong giếng ngọc" dâng vua và ông đã giữ nó trong sạch suốt cả cuộc đời ..., khiến cho người đời mãi mãi tôn trọng, kính phục ông. □

Sen Trắng ghi chú :

(*) Nếu trong thời tổng thống Abraham Lincoln, tướng Lee đã chê tướng mạo xấu của tổng thống Lincoln mà nói là : "Trong toà Bạch ốc có con khỉ làm tổng thống !", thì thời vua Trần Anh Tông, cũng có người dèm pha Mạc Đĩnh Chi nên thốt lời : "Trong triều đình nước ta có con khỉ làm trạng nguyên !!!" (Năm Thân, xin ghi chú thêm).

Tiền thân Salaka và Kapi



Sen Trắng

Vào thời Đức Phật còn tại thế, có một vị trưởng giả đạo sĩ Bà la môn có nhận một đệ tử trẻ xuất gia, nhưng rồi lại hành hạ vị sa di trẻ kia đến nỗi anh ta chịu không nổi sự hành hạ, bèn từ bỏ xuất gia để hoàn tục. Vị trưởng giả lại đến dỗ dành :

- Nay con, y của con là của con, bát của con là của con. Mai sau y và bình bát của ta cũng sẽ là của con. Hãy xuất gia theo thầy để học đạo !! Thầy sẽ truyền cho con tất cả.

Ban đầu anh thanh niên nghĩ đến những ngày sống với thầy, đạo chẳng thấy học được gì, chỉ toàn thấy bị chửi mắng và bị đánh đập đến sưng mình mẩy, đau ốm cũng chẳng được thầy thuốc thang , v.v..., nên anh ấy nhất định từ chối, không dám trở về "xuất gia tìm đạo hành hạ" nữa. Nhưng vị trưởng giả kia nói đi nói lại mãi, và hứa hẹn với anh ta đủ điều, nên cuối cùng, anh ta lại từ bỏ gia đình theo vị trưởng lão kia xuất gia.

Trở lại đời sống tu sĩ của một sa di, ngày ngày hầu hạ thầy không một chút sao lãng, tinh cần thức khuya dậy sớm chẳng quản nhọc nhằn, mong được thầy chỉ dạy cho những điều bổ ích, nhưng rồi vẫn bị thầy bạc đãi, ăn uống không được no, y áo không được lành, làm từ sáng đến tối mà vẫn bị thầy chửi mắng và cây gậy sẵn sàng bị thầy giáng lên đầu. Một hôm sau một trận đòn, anh bị ốm mấy ngày, nhờ sức còn trẻ nên bệnh tình bớt dần, anh bèn từ bỏ "ông thầy trưởng giả" trốn trở về nhà.

Ông trưởng giả đạo sĩ thấy mất thành đệ tử hầu cận, lại tìm đến nhà nó để khuyên dụ nó trở về với mình. Nhưng lần này ông ta thất bại, đầu đã hết lời yêu cầu :

- ... Con về với ta thì con sẽ được đứng vào hàng ngũ tu sĩ, ta là trưởng giả thì mai sau con cũng là trưởng giả, chứ con trở về đời sống dân thường nghèo mạt hạng như thế này thì đến đời nào con mới ngóc đầu lên nổi. Con nên nhớ giai cấp tu sĩ chỉ dưới giai cấp sát - đế - lợi mà thôi đó nhé !!! Con dưới một giai cấp nhưng trên đến mấy giai cấp đưng !!!...

Dù ông ta vẽ vờ viễn ảnh đẹp thế nào, nhưng anh thanh niên nọ vẫn từ chối, anh vạch ra những vết sẹo do đánh đập còn hằn trên lưng cho ông trưởng giả coi :

- Thầy không chịu nổi con, và con thường làm cho thầy nổi giận để thầy phải nhọc lòng đánh mắng. Con đành phải ra đi để thầy khỏi nổi giận !!! Và con cũng khỏi làm phiền thầy nữa !!! Chắc con sẽ không xuất gia nữa đâu thầy ơi !!!

Chuyện này đồn đại trong khắp vùng, loan đến vườn Kỳ viên. Tại chánh pháp đường các tỳ kheo bàn tán sôn xao :

- Các Thầy thấy đó, anh thanh niên đó thiệt là có tâm hiền lành và bèn nhảy, anh ta biết được tâm tánh của ông đại trưởng lão kia là chỉ muốn lợi dụng thằng bé, nên nó nhất định không xuất gia lại là đúng

Đang lúc bàn tán chuyện thiên hạ, thì bậc Đạo Sư đến, Ngài nghe chuyện các thầy tỳ kheo đang bàn tán, bèn ung dung trái tọa cụ ngồi xuống và nói:

- Nay các tỳ kheo, không phải chỉ nay, anh thanh niên đáng thương kia mới có tâm bèn nhảy. Thuở tiền kiếp anh ta cũng đã có tâm bèn nhảy như vậy rồi. Đã có một lần anh ta nhìn được lỗi lầm của vị trưởng lão kia, nên cũng đã không chấp nhận lão ta. Chỉ vì số anh ta chưa có duyên với chánh pháp nên muốn xuất gia cầu đạo giải thoát mà chưa được duyên lành đó thôi !

Nói xong, Phật bèn kể lại câu chuyện quá khứ :

Ngày xưa có một thanh niên sanh trong một gia đình điền chủ, khi đến tuổi trưởng thành mưu sinh bằng nghề buôn bán lúa gạo. Trong làng anh ta ở, có một người làm nghề dụ rắn, hắn nuôi một con khi, cho khi uống thuốc giải độc rắn, và dạy khi chơi với rắn; khi có bị rắn cắn cũng không sao. Và hắn sống với nghề biểu diễn của khi với rắn.

Nhân ngày hội hàng năm trong nước được tổ chức, người dụ rắn muốn tham gia cuộc vui lễ hội, không thể dắt theo khi, hắn đến nhờ anh thanh niên bán lúa gạo trông giữ khi giùm và dặn : "Xin anh đừng có sao nhãng nó". Anh thanh niên bán gạo thấy khi dễ thương, luôn vuốt ve và nuôi nấng kỹ lưỡng.

Sau khi vui chơi lễ hội 6 ngày, đến ngày thứ bảy hẳn ta trở về, đến nhà người buôn bán gạo để nhận lại khi : "Xin anh cho tôi nhận lại khi !" Con khi nghe tiếng nói của chủ liền từ trong nhà phóng ra và theo người chủ cũ ra đi. Nhưng khi trở về với chủ cũ, thì nó lại luôn bị chủ ngược đãi, đánh đập và bắt nó làm trò với rắn để kiếm tiền vui chơi. Nghĩ đến những ngày êm ấm với người bán lúa gạo, tuy không phải là chủ mình, mà khi thấy buồn tủi ứa lệ. Về với chủ lại luôn bị trói và đánh đập. Một hôm, sau một ngày xin tiền ngoài chợ, khi về ngang gốc cây xoài, người dụ rắn bèn lẩn quay ra ngủ, nhưng trước khi ngủ hẳn sợ khi bỏ trốn, nên lúc nào cũng trói chặt nó lại rồi mới nằm dưới gốc cây xoài ngủ. Khi bị trói đau điếng, nó cố gắng cắn dây tự cởi trói cho mình. Xong nó leo lên cây xoài, sẵn bụng đói, nó ăn xoài chín, còn hột thì liệng xuống người dụ rắn. Hẳn thức dậy, thấy khi đã thoát, liền dùng lời dịu ngọt dụ dỗ khi xuống với dụng ý bắt nó. Nhưng khi nhất định không xuống, nghĩ đến những trận roi đòn và những bữa nhịn đói, nó liền chườn cành cây và chạy vào rừng mất dạng. Còn người dụ rắn tiếc ngẩn ngơ và bực tức ra về.

Kể xong Đức Phật nói tiếp :

- Con khi là tiền kiếp của người sa di trẻ bà la môn kia, còn người dụ rắn là ông trưởng lão bậy giờ. Ta là nhân chứng trong tiền kiếp và là người buôn lúa gạo đó !

Liền lúc đó có một vị tỳ kheo đứng lên bạch Phật rằng :

- Bạch Đấng Thế Tôn, trong chúng của chúng con vừa phát hiện ra một vị tỳ kheo phạm giới, có tính lừa đảo. Chúng con cũng vừa bàn luận về chuyện ấy, vì tại sao vị tỳ kheo ấy sau khi xuất gia trong giáo pháp giải thoát của đức Phật rồi mà lại còn những hành vi lừa đảo như vậy ?

Bạch Đạo Sư suy ngẫm một lúc biết được đại chúng đang nói đến ai, liền nói :

- Cũng như truyện hồi này, người tỳ kheo này không phải nay mới có hành vi lừa đảo, mà thuở trước nó cũng đã có tính lừa đảo rồi. Kiếp trước nó là một con khi, nó lừa gạt người ta cũng chỉ vì muốn hơ lửa mà thôi !

Nói xong, Phật liền kể :

Ngày xưa có một cặp vợ chồng trẻ bà la môn ở nước Kasi sanh được một đứa con trai. Khi đứa con vừa đến tuổi chạy đi chạy lại, thì người vợ qua đời. Thương tiếc vợ, anh chồng chẳng thiết gì đến cuộc đời vô thường nữa, mai táng cho vợ xong, anh bỏ cả ruộng vườn, nhà cửa, ẵm con đi vào dãy Hy mã Lạp sơn xuất gia, làm ẩn sĩ tu khổ hạnh, và cũng dạy con

hành trì khổ hạnh để mong cầu giải thoát như mình. Hai cha con sống trong một chòi lá.

Mùa mưa đến, mưa suốt mấy ngày liền, hai cha con độ nhật qua ngày bằng những trái cây, sắn, khoai tích trữ trong nhà, và đốt lửa lên để sưởi ấm. Một hôm, đang lúc hai cha con đang ngồi sưởi, thì đứa con trông thấy một vị sa môn tu khổ hạnh đang chịu lạnh rung cầm cập ngoài cổng, đứa con liền xin cha để được gọi vị sa môn kia vào nhà hơ lửa.

Người cha đang thiền định, phóng tâm ra ngoài, biết kẻ đang khoác áo sa môn ngoài kia không phải là một thầy tu thật mà là một con khi đang đội lốt thầy tu. Chẳng qua vì mưa lớn, nó ướt và lạnh, muốn vào nhà người ta để hơ lửa, nó tìm đâu được một chiếc áo choàng của một người tu khổ hạnh đã chết đắp lên người, rồi cầm gậy và bình bát của người ẩn sĩ đi đến chòi lá. Nó tuy đã lừa được thị kiến của đứa con, nhưng không lừa được cái nhìn của người cha. Người cha bèn lấy lửa ra đốt ngoài sân cho con khi hơ, và vạch rõ thân phận khi cho người con biết. "Cái áo vốn không làm nên thầy tu", người cha dạy con như vậy, đã khiến đứa con khởi thẳng trí. Người cha dạy con một đề tài thiền quán và giúp con tu tập. Thời gian thắm thoát trôi qua, người con trở thành một thanh niên, đứng hơn là một thầy sa môn trẻ chứng đắc thiền định. Cả hai cha con không bao giờ thối thất thiền định. Lần lượt cha trước, con sau, sau khi mạng chung đều được sanh lên cõi trời Phạm thiên.

*K*ể xong chuyện thứ hai này, bạch Đạo Sư nêu rõ :

- Nay các Thầy, người này không phải nay mới lừa đảo, mà xưa cũng đã biết khoác áo sa môn để lừa đảo như vậy rồi. Nay dù đã thoát kiếp khi, được xuất gia trong chúng tu đạo giải thoát, nhưng tính khi của nó vẫn còn, nên nó vẫn phạm giới, thật là tội nghiệp thay !!!

- Bạch Đấng Thế Tôn, thế còn hai cha con kia nay vẫn còn trên cõi Phạm thiên chứ ạ ? - Một vị tỳ kheo hỏi.

Phật ôn tồn nói tiếp :

- Không, cả hai đều tiếp tục tu đạo giải thoát, người con vốn là La-hầu-la ngày nay, còn người cha là ta chứ không ai khác.□

(*) LTS : Nhân trong năm Giáp thân, STr gởi đăng 2 truyện tiền thân liên quan đến loài khi, NSST Âu Châu liền gom cả 2 lại trong mục truyện tiền thân và đặt tựa là "Chuyện Khi".